

một tháng thì ăn riêng. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được khoảng một năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Tuấn A không có việc làm ổn định, han chơi, thường xuyên đi sớm về muộn, khi về nhà thì kiểm có đánh đập chị trước mặt bố mẹ chồng. Sự việc diễn ra nhiều lần nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Sau đó, anh Tuấn Anh cũng có qua nhà xin lỗi, chị bỏ qua để về đoàn tụ. Nhưng hết lần này đến lần khác, anh Tuấn A không chịu thay đổi nên ngày 08/9/2016 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Lai S, xã Bắc Sơn sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc gì nhau nữa.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, ly thân đã lâu, mâu thuẫn không thể giải quyết nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Tuấn A để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 31/01/2012 và Nguyễn Thị Diệu L, sinh ngày 29/4/2013. Hiện nay, cháu C đang ở với chị, cháu L đang ở với anh Tuấn A. Ly hôn, chị mong muốn được tiếp tục nuôi cháu C còn để anh Tuấn A nuôi cháu L. Về cấp dưỡng nuôi con: chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, đất ở, đất nông nghiệp: Chị không đề nghị giải quyết.

❖ Bị đơn: anh Nguyễn Tuấn A hiện đang sống cùng bố mẹ là ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị C, anh đi làm từ sáng sớm đến tối mới về nên Toà án tiến hành giao các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như các văn bản tố tụng khác cho ông Minh. Ông M nhận thay cho anh Tuấn A và cam đoan giao lại. Tuy nhiên, anh Tuấn A không lần nào đến Toà án làm việc nên Toà án không lấy được lời khai của anh.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Kể từ ngày nhận đơn, thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình:

- Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A

- **Về con chung:** chị N và anh Tuấn Acó hai con chung là Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 31/01/2012 và Nguyễn Thị Diệu L, sinh ngày 29/4/2013. Giao cho chị N nuôi dưỡng cháu C, giao cho anh Tuấn A nuôi dưỡng cháu L. Về vấn đề cấp dưỡng: không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Chị N và anh Tuấn A đều được quyền thăm, chăm sóc con chung.

- **Về tài sản chung, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, nợ chung, công sức đóng góp:** Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- **Về án phí:** chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc S, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội ngày 01/12/2012 vào sổ Đăng ký kết hôn số 129, Quyền số 01/2012, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Bị đơn là anh Nguyễn Tuấn A có đăng ký hộ khẩu thường trú và có chỗ ở tại thôn Lai S, xã Bắc S, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc giải quyết đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Tuấn A thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn.

Như vậy, Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh anh Tuấn A đang ở cùng bố mẹ đẻ và đi làm từ sáng sớm đến tối mới về. Tuy nhiên, anh chống đối không đến Toà án làm việc, gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Toà án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như các thủ tục tố tụng khác cho ông Nguyễn Văn M, ông nhận thay anh Tuấn A và cam đoan giao lại. Tại phiên tòa ngày 14/11/2018, anh Nguyễn Tuấn A đã vắng mặt, không có lý do. Phiên tòa hôm nay anh Tuấn A Tiếp tục vắng mặt không có lý do, HĐXX xét thấy việc tiến hành xét xử vắng mặt anh Tuấn Anh là phù hợp với quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử thấy: Lời khai của chị N cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn chị N cho rằng do anh Tuấn A không có việc làm ổn định, ham chơi, thường xuyên đi sớm về muộn, khi về thì kiểm soát đánh đập chị nhiều lần trước mặt bố mẹ chồng. Anh Tuấn A nhiều lần xin lỗi, chị cũng nhiều lần tha thứ, cho anh cơ hội thay đổi nhưng không có kết quả. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ ngày 08/09/2016. Từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc gì nhau nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể giải quyết mâu thuẫn nên xin ly hôn để ổn định cuộc sống.

Quá trình giải quyết vụ án, ông M (bố đẻ của anh Tuấn A) cho biết: Anh chị mâu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân do cả hai vợ chồng không quan tâm, chăm sóc gì nhau, thiếu trách nhiệm với gia đình. Nay chị N xin ly hôn đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Quá trình xác minh tại địa phương cho nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh Tuấn A ham chơi, không chịu làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Khoảng giữa năm 2016, chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Phúc X, xã Bắc Sơn để sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng không còn liên lạc, khó có khả năng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh Tuấn A đã trầm trọng, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[3]Về con chung: chị N và anh Tuấn A có hai con chung là Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 31/01/2012 và Nguyễn Thị Diệu L, sinh ngày 29/4/2013. Hiện nay, cháu C đang ở với chị N, còn cháu L đang ở cùng anh Tuấn A. Chị N có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu C còn để anh Tuấn A tiếp tục nuôi cháu L.

Xét thấy: Chị N có công việc, thu nhập, chỗ ở ổn định. Còn cháu C đã ở với anh Tuấn Anh từ năm 2016 đến nay, được ông bà nội quan tâm, chăm sóc, tạo điều kiện tốt về chỗ ăn ở. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C, giao cho anh Tuấn A nuôi

đưỡng, chăm sóc cháu L, là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con của N.

[4]Về tài sản chung, đất ở, đất nông nghiệp, công sức đóng góp, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Điều 147, Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về con chung: xác nhận anh chị có hai con chung:

- Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 31/01/2012.
- Nguyễn Thị Diệu L, sinh ngày 29/4/2013

Hiện nay, cháu C vẫn đang ở cùng anh chị N, cháu L đang ở với anh Tuấn A.

Giao cho chị N nuôi dưỡng cháu C, giao cho anh Tuấn Anh nuôi dưỡng cháu L, đến khi cháu đủ 18 tuổi lao động tự túc được hoặc các bên có yêu cầu và Tòa án có quyết định khác.

Chị N và anh Tuấn Anh đều có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con của N.

3. Về tài sản chung, nợ chung, đất ở, đất nông nghiệp, công sức đóng góp: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại C cục thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn – BL số: AC/2015/0001224 ngày 02/8/2018.

Chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Tuấn A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án./.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn;*
- *C cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn;*
- *Ủy ban nhân dân xã Bắc S*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Khanh